

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1979.

HKTT: Tổ A, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh K S, sinh năm 1961.

HKTT: Baldenastrabe 8, 55469 Simmern/Hunsruck, Cộng hòa liên bang Đức.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K S kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thì anh K S trở về Đức để tiếp tục sinh sống và làm việc, đến tháng 9 năm 2016 thì chị H cũng cùng sang Đức đoàn tụ với anh. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Được một thời gian ngắn, đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn theo chị H nguyên nhân là do khác biệt về quan

điểm sống, không có tiếng nói chung, khác biệt nhiều về văn hóa nên chị H cảm thấy không thể hòa nhập được cuộc sống ở bên Đức đến tháng 4 năm 2017 thì chị H trở về Việt Nam. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân với nhau. Thời gian hai người sống ly thân anh K S cũng rất ít liên lạc với chị, sau một thời gian suy nghĩ chị có chủ động liên lạc với anh K S nói muốn ly hôn, anh K S nói cũng nhất trí. Nay chị H xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh K S gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh K S xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị H. Về quan hệ hôn nhân anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng luôn cãi nhau và không có tiếng nói chung nên anh cũng nhất trí xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng ở với nhau chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh xác định không có.

Hiện nay, do anh K S ở Đức, anh không thể sang Việt Nam trực tiếp giải quyết được nên anh có nguyện vọng xin xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là người có quốc tịch Đức, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đức, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh K S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống với nhau tại Đức. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng do về tập quán sinh hoạt và hoàn cảnh sống ở Đức khác biệt nhiều so với Việt Nam nên chị H thấy không hòa nhập

và chị H chủ động trở về Việt Nam. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2017, từ đó đến nay vợ chồng rất ít khi liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tại văn bản của anh K S gửi về cho Tòa án, anh cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị H xin ly hôn anh K S hoàn toàn nhất trí nên cho chị H được ly hôn anh K S là phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Cả chị H và anh K S đều xác định do thời gian ngắn ở với nhau nên chưa có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Cả chị H và anh K S đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị H được ly hôn anh K S. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, 147, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh K S.
2. Về con chung: Chưa có.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết
4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng

án phí đã nộp, biên lai số 0008921 ngày 19/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Nguyễn Thị Bích H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K S được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Thuận